

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM TÂN,  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Tình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Ngọc và ông Bùi Anh Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: khu phố 10, phường B, thị xã L, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh B

*(Ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt, bà Nguyễn Thị Y vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Y tự nguyện tìm hiểu sống chung và đăng kết hôn vào ngày 03 tháng 10 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T.

Sau khi kết hôn, ông và bà Y về khu phố 10, phường B, thị xã L sinh sống. Quá trình sống chung ông và bà Y hạnh phúc một thời gian; Sau đó, không hiểu lý do gì mà bà Y nhiều lần tự ý bỏ nhà đi đâu làm gì ông không rõ. Cụ thể: Giữa năm 2013, bà Y bỏ nhà đi khoảng 01 tháng rồi trở về lại sống với ông; đến

giữa năm 2015, bà Y lại bỏ nhà đi khoảng hơn 01 tháng 15 ngày rồi trở về lại sống với ông; từ tháng 5/2019, bà Y lấy chiếc gắn máy của vợ chồng đem cầm cố lấy 14.500.000đ bỏ về nhà cha mẹ để sống cho đến nay; ông đã nhiều lần tìm gặp bà Y hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng bà Y cố tình lánh mặt. Hiện ông và bà Y không còn sống chung với nhau và ông cũng không còn tình cảm với bà Y; vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Y.

Ông và bà Nguyễn Thị Y có 03 con chung là Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/02/2012; Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 23/9/2014; Nguyễn Thái D, sinh ngày 29/8/2017. Các con hiện đang ở với ông tại Khu phố 10, phường B, thị xã L, tỉnh B. Ông có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bà Nguyễn Thị Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng bà Y không đến Tòa án để làm việc, tham dự phiên tòa cũng như cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.*

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Nguyễn Thị Y vắng mặt, không cung cấp bản tự khai, tài liệu, chứng cứ, cũng như không đến Tòa án để làm việc, tham dự phiên tòa; nguyên đơn Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Y tự nguyện tìm hiểu và kết hôn đúng quy định của pháp luật; tình trạng hôn nhân giữa Ông T và bà Y đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của T; về con chung, Bà Y không tham gia tố tụng và không có yêu cầu gì về việc nuôi con; xét nguyện vọng của Ông T và nguyện vọng của các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Thị Thảo N, Nguyễn Hoàng Bảo T, Nguyễn Thái D, cho Ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Y; giao các con Nguyễn Thị Thảo N, Nguyễn Hoàng Bảo T, Nguyễn Thái D cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung, tài sản chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thị Y cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Y tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 10 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B; như vậy, hôn nhân giữa Ông T và bà Y là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo lời trình bày của Ông T thì sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc một thời gian, không có mâu thuẫn gì; không hiểu lý do gì mà giữa năm 2013 và giữa năm 2015, bà Y đã 02 bỏ nhà đi mỗi lần khoảng hơn 01 tháng rồi trở về lại sống với ông; Tháng 5/2019, bà Y lấy chiếc gấn máy của vợ chồng đem cầm cố lấy 14.500.000đ rồi bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh B ở và không sống chung với ông từ đó cho đến nay; ông đã nhiều lần tìm gặp bà Y để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng bà Y cố tình lánh mặt. Ông T cho rằng hiện không còn tình cảm với bà Y; hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y.

Tại biên bản xác minh ngày 05/3/2020, Công an xã T đã cung cấp: *“Trong thời gian sống chung với chồng ở La Gi, bà Y thường bỏ chồng con về thôn Đ, xã T sống với cha mẹ mình. Vào cuối năm 2018, bà Y về sống cùng với cha mẹ mình một thời gian, sau đó đi làm ăn xa ở đâu địa phương không biết nhưng vài vài ba tháng lại về nhà cha mẹ ở khoảng vài ngày rồi đi tiếp ... hiện nay bà Y và ông T không còn sống chung với nhau nữa ...”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì *“Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu*

*của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”;* Như vậy, bà Y đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng bà Y không cung cấp các tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án theo triệu tập để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; cũng như không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng; như vậy, bà Y đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

[3] Về nuôi con:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Y có 03 con chung là Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/02/2012; Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 23/9/2014; Nguyễn Thái D, sinh ngày 29/8/2017. Hiện các cháu đang ở với ông T tại Khu phố 10, phường B, thị xã L, tỉnh B, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con, cháu Nguyễn Thị Thảo N có nguyện vọng được ở với ba. Quá trình giải quyết vụ án bà Y không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con chung; vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu của ông T và nguyện vọng của cháu Nhi, giao các cháu Nguyễn Thị Thảo N, Nguyễn Hoàng Bảo T, Nguyễn Thái D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì những lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T

*1- Về hôn nhân:*

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Y.

*2- Về nuôi con chung:*

Giao các cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/02/2012; Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 23/9/2014; Nguyễn Thái D, sinh ngày 29/8/2017 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Y có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*3- Về tài sản chung và nợ chung:*

Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

*4- Về án phí:*

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân theo Biên lai số 0029184 ngày 14 tháng 02 năm 2020.

Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

**\* Nơi nhận:**

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hữu Tình**

